

NHIỆM VỤ NHÓM 2 –

1. Nguyễn Hữu Hùng
2. Đào Thị Ngọc
3. Phạm Hồng Thắng
4. Phạm Thị Hương

NỘI DUNG: Làm MT, ĐT, Đề Kiểm tra cuối học kỳ 1 lớp 6

1. MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I LỚP 6

1.1. Khung ma trận đề kiểm tra cuối học kỳ I lớp 6

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tỷ lệ		Điểm
			T N	T L	TN	T L	T N	TL	T N	T L	T N	TL	
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ	1 câu								1 câu		0,25
		Yêu thương con người	1 câu								1 câu		0,25
		Siêng năng kiên trì	1 câu								1 câu		0,25
		Tôn trọng sự thật	3 câu					½ câu		½ câu	3 câu	1 câu	3.75
		Tự lập	3 câu		1 câu						3 câu	1 câu	3.75
2	Giáo dục kĩ năng sống	Tự nhận thức bản thân	3 câu					1 câu			3 câu	1 câu	1.75
Tổng			12		1			1			12	3	10 điểm
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		30%	70%	
Tỉ lệ c. hung			60%				40%				100%		

1.2. Bản đặc tả cuối học kỳ I lớp 6

	Mạch		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
					Thông		Vận

TT	nội dung	Nội dung		Nhận biết	hiểu	Vận dụng	dung cao
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ	Nhận biết: Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. Thông hiểu: Giải thích được ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ một cách đơn giản. Vận dụng: Xác định được một số việc làm thể hiện truyền thống gia đình, dòng họ phù hợp với bản thân. Vận dụng cao: Thực hiện được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ.	1 TN			
		Yêu thương con người	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tình yêu thương con người - Nêu được biểu hiện của tình yêu thương con người Thông hiểu: - Giải thích được giá trị của tình yêu thương con người đối với bản thân, đối với người khác, đối với xã hội. - Nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người Vận dụng: - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người - Xác định được một số việc làm thể hiện tình yêu thương con người phù hợp với bản thân. Vận dụng cao: - Thực hiện được một số việc làm phù hợp để thể hiện tình yêu thương con người	1 TN			
1	Giáo dục đạo đức	Siêng năng kiên trì	Nhận biết: - Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì - Nêu được biểu hiện siêng năng, kiên trì - Nêu được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì Thông hiểu: - Đánh giá được những việc làm thể hiện tính siêng năng kiên trì của bản thân trong học tập, lao động.	1 TN			

			- Đánh giá được những việc làm thể hiện tính siêng năng kiên trì của người khác trong học tập, lao động. Vận dụng: - Thể hiện sự quý trọng những người siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động. - Góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này. - Xác định được biện pháp rèn luyện siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày phù hợp với bản thân. Vận dụng cao: - Thực hiện được siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.				
		Tôn trọng sự thật	Nhận biết: Nêu được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. Thông hiểu: Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật. Vận dụng: - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.	3 TN		1/2TL	½ TL
1	Giáo dục đạo đức	Tự lập	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tự lập - Liệt kê được những biểu hiện của người có tính tự lập Thông hiểu: - Đánh giá được khả năng tự lập của người khác. - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân - Giải thích được vì sao phải tự lập. Vận dụng: - Xác định được một số cách rèn luyện thói quen tự lập phù hợp với bản thân - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và	3 TN	1TL		

			phụ thuộc vào người khác.				
2	Tự nhận thức bản thân Tự nhận thức bản thân	Nhận biết: Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. Nêu được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. Thông hiểu: - Xác định được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân - Xác định được giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân Vận dụng: Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của bản thân. Vận dụng cao: Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự tôn trọng bản thân.	3 TN		1 TL		
Tổng			12 TN	1 TL	1 TL	1 TL	
Tỉ lệ%			30%	30%	30%	10%	
Tỉ lệ chung			60%		40%		

2. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I LỚP 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án đúng

Câu 1: Truyền thống là những giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ được

- A.** truyền từ đời này sang đời khác. **B.** mua bán, trao đổi trên thị trường.
C. nhà nước ban hành và thực hiện. **D.** đời sau bảo vệ nguyên trạng.

Câu 2: Cá nhân có hành vi quan tâm, giúp đỡ người khác đặc biệt là trong những lúc khó khăn hoạn nạn là biểu hiện của đức tính nào?

- A.** Yêu thương con người. **B.** Tự nhận thức bản thân.
C. Siêng năng, kiên trì. **D.** Tự chủ, tự lập

Câu 3: Trái với siêng năng, kiên trì là

- A.** tự ti, nhút nhát. **B.** lười nhác, ỷ lại.
C. tự giác, miệt mài làm việc **D.** Biết hi sinh vì người khác.

Câu 4: Công nhận ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn; biết điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo hướng tích cực; không chấp nhận và làm những việc sai trái được gọi là?

- A.** Tôn trọng sự thật. **B.** Tiết kiệm. **C.** Sự thật. **D.** Khiêm tốn

Câu 5: Những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là?

- A. Khiêm tốn. B. Sự thật. C. Công bằng. D. Liêm si.

Câu 6: Đối lập với tôn trọng sự thật là

- A. Giả dối. B. Ý nại. C. Siêng năng. D. Trung thực.

Câu 7: Đối lập với tự lập là :

- A. Tự tin. B. Ích kỉ. C. Tự chủ. D. Ý nại.

Câu 8: Cá nhân tự làm, tự giải quyết công việc, tự lo liệu, tạo dựng cuộc sống cho mình là biểu hiện của người có tính

- A. trung thành. B. trung thực. C. tự lập. D. tiết kiệm.

Câu 9: Người có tính tự lập họ sẽ nhận được điều gì?

- A. Thành công trong cuộc sống. B. An nhàn, không phải làm việc gì.
C. Thường xuyên phải nhờ người khác. D. Luôn bị động trước mọi công việc.

Câu 10: Cá nhân biết nhận thức đúng đắn bản thân mình sẽ giúp mỗi người

- A. nhận ra điểm mạnh của chính mình. B. biết luôn lách làm việc xấu.
C. biết cách ứng phó khi vi phạm. D. bị mọi người trù giập, ghét bỏ.

Câu 11: Tự nhận thức bản thân là

- A. biết nhìn nhận đánh giá tương đối về bản thân mình(khả năng, hiểu biết, tính cách, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu...)
B. biết nhìn nhận đánh giá đúng về người khác(khả năng, hiểu biết, tính cách, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu...)
C. biết nhìn nhận đánh giá hợp lý về bản thân mình(khả năng, hiểu biết, tính cách, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu...)
D. biết nhìn nhận đánh giá đúng về bản thân mình(khả năng, hiểu biết, tính cách, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu...)

Câu 12: Để tự nhận thức về bản thân, mỗi người cần phải

- A. tích cực tham gia các hoạt động xã hội. B. không tham gia các hoạt động xã hội.
C. luôn ý nại công việc vào anh chị làm giúp. D. luôn dựa vào người khác để làm việc

PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (3 điểm). Để trở thành người có tính tự lập thì học sinh cần phải rèn luyện như thế nào? Em hãy nêu một số biểu hiện trái với tự lập trong học tập và trong sinh hoạt hằng ngày.

Câu 2 (3 điểm) Tình huống

Phương là một lớp trưởng luôn thẳng thắn, gương mẫu. Trong lớp bạn nào mắc khuyết điểm lần đầu Phương đều nhắc nhở nhẹ nhàng. Bạn nào vi phạm nhiều lần, Phương ghi vào sổ và báo với cô chủ nhiệm để kiểm điểm trong buổi sinh hoạt lớp. Vì vậy một số bạn tỏ ra không đồng tình với Phương và đã đề nghị thay lớp trưởng.

Hỏi: a. Em hãy nhận xét về việc làm của Phương và một số bạn trong tình huống trên.

b. Chứng kiến một số bạn có ý kiến đề nghị thay đổi lớp trưởng, em sẽ làm gì?

Câu 3 (1 điểm). Hãy lấy 2 ví dụ về việc bản thân em hoặc bạn em biết tự nhận thức bản thân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

- Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	A	C	B	A	D	C	A	A	A	A

PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (3 điểm)	- Để trở thành người có tính tự lập thì học sinh cần rèn luyện: + Luôn tự tin. Luôn cố gắng khắc phục khó khăn để tự giải quyết các vấn đề trong khả năng của mình. + Luôn nỗ lực phấn đấu, vươn lên trong học tập, công việc và cuộc sống. + Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại vào người khác. + Làm các việc nhà sau giờ học tập như: nấu cơm, rửa bát, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc và giúp đỡ em nhỏ. + Tự giác tham gia các công việc ở trường như: Trục nhật lớp, hoạt động tập thể	0,5 0,5 0,5 0,5 0,5
	- Những biểu hiện trái với tính tự lập trong học tập và sinh hoạt hằng ngày là: + Tự ti, gặp khó khăn thử thách chùn bước, không có ý chí nỗ lực vươn lên. + Quá ỷ lại hoặc dựa dẫm vào bố mẹ và người khác; không làm được những công việc cá nhân lười biếng trong học tập và lao động,...	0,25 0,25
	a. - Phương là người luôn tôn trọng sự thật, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thái độ khéo léo và hợp lý trong giải quyết công việc. Việc làm của Phương giúp cho các bạn trong lớp tiến bộ, kỷ luật. - Một số bạn trong lớp không đồng ý với việc làm của Phương và đề nghị thay lớp trưởng là không tôn trọng sự thật, ý kiến	1,5 điểm

	mang tính cá nhân, việc làm này của một số bạn ảnh hưởng đến nề nếp và kỷ luật của cả lớp.	
	- Chúng kiến một số bạn có ý kiến đề nghị thay đổi lớp trưởng, em sẽ: + có ý kiến bảo vệ việc làm đúng của Phương và không đồng ý với ý kiến của một số bạn trong lớp. Giải thích để cả lớp hiểu. + Nếu một số bạn ấy vẫn còn giữ ý kiến trên, em sẽ báo cáo cho cô giáo chủ nhiệm biết để có cách giải quyết.	1,5 điểm
Câu 3 (1,0 điểm)	- HS lấy được 2 ví dụ về bản thân hoặc bạn của mình biết tự nhận thức bản thân:	1 điểm